

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:90/2022/HS-ST
Ngày: 29 - 7 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Toàn
2. Ông Lê Đình Khôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:
Ông Trương Hoàng Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ **Trần Đức Đ** (Tên gọi khác: Đ nghi), sinh năm 1992 tại Đồng Nai. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp Tl1, xã Pt, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 05/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức N (đã chết) và bà Vũ Thị N (đã chết); Vợ con chưa có. Tiền án: Ngày 04/6/2020, tại Bản án số 16/2020/HS-ST bị Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/7/2021. Chưa được xóa án tích. Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 14/9/2011, tại Bản án số 51/2011/HSST bị Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14/7/2021. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Phú từ ngày ngày 23/11/2021 đến nay.

2/ **Lê Phúc H** (Tên gọi khác: BĐ), sinh năm 2002 tại Đồng Nai. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp TT, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B, sinh năm 1975 và bà Võ Thị Tuyết H4, sinh năm 1975; Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 02/12/2021 đến nay.

3/ **Cao Quốc T**, sinh năm 1999 tại Đồng Nai. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp TT, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 05/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn Bé C, sinh năm 1981, con bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1981; Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 02/12/2021 đến nay.

4/ **Nguyễn Thành S**, sinh năm 1996 tại Đồng Nai. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp TT 3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành K, sinh năm 1969, con bà Mai Thị Hồng Y, sinh năm 1969; Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 23/8/2019 tại Quyết định số 137 bị Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 02/12/2021 đến nay.

5/ **Trần Thanh H1 (tên gọi khác: HT)**, sinh năm 1993 tại Đồng Nai. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp TT 3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Bán; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công T, sinh năm 1966, con bà Phạm Thị H5, sinh năm 1976; có vợ Lê Trúc Nguyệt A, sinh năm 1998, có 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 02/12/2021 đến nay.

6/ **Tăng Ngọc P (tên gọi khác: ĐG)**, sinh năm 1991 tại Đồng Nai. (có mặt)

Nơi cư trú: ấp TT 3, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 06/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Ngọc G, sinh năm 1956, con bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1962; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 23/8/2019 tại Quyết định số 136 bị Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi cố ý gây thương tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2022 đến ngày 17/5/2022 thì được áp dụng biện pháp Bảo lãnh, hiện nay bị can tại ngoại.

- Bị hại: Ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp NL1, xã Pt, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

Ông **Trịnh Văn V**, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TT, xã PL, huyện TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức Đ là người bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa án tích. Vào ngày 15/11/2021, Đ có đến nhà Trần Thanh H1 để chơi thì được Thanh H1 cho biết việc trên dọc đường Quốc lộ 20 thuộc xã Pt có 01 vườn mai của ông Nguyễn Văn H2 không có người trông coi, Thanh H1 nói với Đ về việc nếu lấy được mai về thì Thanh H1 sẽ mua. Đến ngày 19/11/2021, Đ rủ Nguyễn Thành S về việc trộm mai thì được đồng ý. Đến khoảng 0 giờ ngày 20/11/2021, Đ gọi điện thoại rủ Nguyễn Thành S đi trộm cây mai như đã hẹn thì S rủ thêm Tăng Ngọc P, Lê Phúc H, Cao Quốc T cùng tham gia. Lúc này, S, Phúc H, P, T cùng nhau đến nhà Đ để thực hiện hành vi trộm cắp. Tại nhà Đ, Đ nói cho S, Phúc H, P, T về việc Thanh H1 nói với Đ về việc vườn mai của ông Nguyễn Văn H2 không có người trông coi và hứa sẽ mua mai sau khi lấy về. Sau đó, cả nhóm gồm Đ, S, Phúc H, P, T thống nhất cùng nhau đi trộm mai, lúc đi Đ mang theo 01 cây kìm cộng lực. Khi đến vườn mai, Đ dùng kìm phá khóa, rồi cùng với P, S đào trộm 02 cây mai (01 cây cao 2,7m, đường kính gốc 54 cm; 01 cây cao 2,1m, đường kính gốc 37cm). Khi trộm xong, cả nhóm đưa 02 cây mai về nhà Đ cất giấu. Đến buổi trưa cùng ngày, Đ gọi cho Thanh H1 nói về việc đã trộm được mai, đến chiều cùng ngày thì Đ cùng S mang 02 cây mai nói trên đến tại bờ cây thuộc thửa đất của Thanh H1. Sau đó, Thanh H1 lại mang 02 cây mai đến gửi tại vườn của ông Trịnh Văn V thuộc ấp TT, xã PL. Đ đã nhận từ Thanh H1 số tiền tổng cộng là 11.500.000 đồng từ việc bán mai. Đ chia lại cho S, P mỗi người 3.000.000 đồng, Phúc H 1.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 02 cây mai (01 cây cao 2,7m, đường kính gốc 54 cm; 01 cây cao 2,1m, đường kính gốc 37cm), đã được trao trả cho bị hại là ông Nguyễn Văn H2.
- 01 cây kìm cộng lực là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, sau khi gây án các đối tượng đã vứt bỏ, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐGTS ngày 25/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TP đã xác định: 01 cây mai vàng cao 2,7m, đường kính gốc 54 cm, đường kính ngọn 15cm, tán ngang 1,3cm, trị giá 23.500.000 đồng. 01 cây mai vàng cao 2,1m, đường kính gốc 37cm, đường kính ngọn 10cm, tán ngang 1,9cm, trị giá 13.800.000 đồng. Tổng cộng 37.300.000 đồng.

Theo cáo trạng số 80/CT-VKSTP-ĐN ngày 01/06/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố bị cáo Trần Đức Đ, Lê Phúc H, Cao Quốc T, Nguyễn Thành S, Trần Thanh H1, Tăng Ngọc P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về tội danh: Các bị cáo Trần Đức Đ, Lê Phúc H, Cao Quốc T, Nguyễn Thành S, Trần Thanh H1, Tăng Ngọc P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với Đ, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Thành S, Tăng Ngọc P, đề nghị xử phạt các bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 1 Điều 173; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với Lê Phúc H, Cao Quốc T, Trần Thanh H1 đề nghị xử phạt các bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự, về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Trần Đức Đ phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 4.500.000đ, Nguyễn Thành S phải nộp số tiền 3.000.000đ, Tăng Ngọc P phải nộp số tiền 3.000.000đ, Lê Phúc H phải nộp số tiền 1.000.000đ, tổng cộng là 11.500.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị quyết định về án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo là đúng và không có ý kiến tranh luận gì tại phiên tòa mà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa bị cáo không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Vào khoảng 0 giờ ngày 20/11/2021, tại ấp Thọ Lâm 2, xã Pt, huyện TP, tỉnh Đồng Nai, Trần Thanh H1, Trần Đức Đ, Tăng Ngọc P, Lê Phúc H, Nguyễn Thành S, Cao Quốc T đã có hành vi trộm cắp của ông Nguyễn Văn H2 02 cây mai trị giá 37.300.000 đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố là đúng người đúng tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Đức Đ có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên

thuộc trường hợp tái phạm, quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thể hiện rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Lê Phúc H, Cao Quốc T, Nguyễn Thành S, Trần Thanh H1, Tăng Ngọc P là những người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc trước hay phân công nhiệm vụ cụ thể. Bị cáo Trần Thanh H1 tham gia với vai trò người khởi xướng; các bị cáo Trần Đức Đ, Tăng Ngọc P, Lê Phúc H, Nguyễn Thành S, Cao Quốc T tham gia với vai trò người thực hành. Để đánh giá tính chất vai trò của từng bị cáo nhằm cá thể hóa hình phạt như sau:

Bị cáo Đ là người có nhân thân xấu, đồng thời là người đã có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản nhưng chưa được xóa án tích mà vẫn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp tái phạm. Lần trộm cắp này bị cáo là người đóng vai trò người thực hành chính, chuẩn bị kim cọng lực là công cụ để thực hiện hành vi phạm tội và là người trực tiếp lén lút đào gốc mai. Bị cáo là người đã nhận tiền mai và hưởng lợi bất chính. Do đó mức án bị cáo Đ phải cao nhất.

Bị cáo S và P tham gia với vai trò là người thực hành tích cực, đã cùng Đ trực tiếp đào trộm gốc mai và cùng hưởng lợi từ việc trộm cắp. Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu, năm 2019 đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi cố ý gây thương tích. Do đó mức án của S và P phải thấp hơn Đ nhưng phải cao hơn các bị cáo còn lại.

Tất cả các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo Đ, S, P ra khỏi đời sống xã hội mà tuyên mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Lê Phúc H và Cao Quốc T chỉ tham gia với vai trò giúp sức là người được Đ kêu đến chở mai đi cất giấu. Riêng Trần Thanh H1 là người khởi xướng nhưng Thanh H1 không tham gia mà chỉ hứa hẹn trước với Đ nếu lấy được mai mang về, đẹp thì Hải sẽ mua. Chính việc hứa hẹn trước nên mặc dù Hải không trực tiếp tham gia việc trộm cắp tài sản nhưng cũng là đồng phạm với Đ về tội trộm cắp tài sản. Do tính chất vai trò hành vi của Phúc H, T và Thanh H1 tham gia với vai trò rất nhỏ, không đáng kể trong vụ án, đồng thời sau khi phạm tội thì các bị cáo tự nguyện ra đầu thú, bị cáo Thanh H1 đang nuôi 02 con còn nhỏ, các bị cáo đều là những người có trình độ học vấn thấp nên sự hiểu biết về pháp luật còn hạn chế, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo đều có nhân

thân tốt, không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy cho các bị cáo được hưởng mức ăn treo cũng đủ răn đe và giáo dục.

[6] Về các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng:

- 02 cây mai (01 cây cao 2,7m, đường kính gốc 54 cm; 01 cây cao 2,1m, đường kính gốc 37cm), đã được trao trả cho bị hại là ông Nguyễn Văn H2 và ông H2 không có yêu cầu gì nên không xem xét.

- 01 cây kim cộng lực là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, sau khi gây án các đối tượng đã vứt bỏ, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không có kết quả.

-Buộc bị cáo Trần Đức Đ phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 4.500.000đ, Nguyễn Thành S phải nộp số tiền 3.000.000đ, Tăng Ngọc P phải nộp số tiền 3.000.000đ, Lê Phúc H phải nộp số tiền 1.000.000đ, tổng cộng là 11.500.000đ để sung công quỹ Nhà nước.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với ông Trịnh Văn V đồng ý cho Trần Thanh H1 để 02 cây mai tại thửa đất nhà mình nhưng việc Thanh H1 gửi 02 cây mai nói trên ông Văn không biết là do trộm cắp mà có. Vì vậy, ông Văn không bị truy cứu trách nhiệm hình sự là đúng quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phù hợp với nhận định và quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Trần Đức Đ (tên gọi khác: Đ nghi), Lê Phúc H (tên gọi khác: BĐ), Cao Quốc T, Nguyễn Thành S, Trần Thanh H1 (tên gọi khác: HT), Tăng Ngọc P (tên gọi khác: ĐG) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với Trần Đức Đ.

1.1 Xử phạt bị cáo Trần Đức Đ (Tên gọi khác: Đ nghi) 01(một) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2021.

Áp dụng: Khoản 1, Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 đối với Nguyễn Thành S và Tăng Ngọc P.

1.2 Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành S 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

1.3 Xử phạt bị cáo Tăng Ngọc P (Tên gọi khác:ĐG) 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án (được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2022 đến ngày 17/5/2022).

Áp dụng: Khoản 1, Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Lê Phúc H, Cao Quốc T và Trần Thanh H1; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung 01 số điều của Nghị quyết số 02/2018.

1.4 Xử phạt bị cáo Lê Phúc H (tên gọi khác: BĐ) 01(một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/7/2022).

1.5 Xử phạt bị cáo Cao Quốc T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/7/2022).

1.6 Xử phạt bị cáo Trần Thanh H1 (tên gọi khác:HT) 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/7/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Phúc H, Cao Quốc T, Trần Thanh H1 cho Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật hình sự.

2. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Trần Đức Đ phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), Nguyễn Thành S phải nộp số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), Tăng Ngọc P phải nộp số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), Lê Phúc H phải nộp số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), tổng cộng là 11.500.000đ (mười một triệu năm trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng:Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Đức Đ, Lê Phúc H, Cao Quốc T, Nguyễn Thành S, Trần Thanh H1, Tăng Ngọc P, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo Đ, Phúc H, T, S, Thanh H1 và P biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại ông H2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- CQCSĐT Công an huyện Tân Phú;
- CQ THA hình sự Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan